

Số : /

TP.HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2010**

**I. Giới thiệu chung về công ty**

- ✓ Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG**
- ✓ Tên giao dịch: **CUU LONG PETROGAS TRANSPORTATION JOINT STOCK COMPANY.**
- ✓ Tên viết tắt: **CGT.JSC**
- ✓ Địa chỉ : 18 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- ✓ Điện thoại: 08.2582.330/2582.331
- ✓ Fax : 08.2582.334
- ✓ Website : [www.cgt.com.vn](http://www.cgt.com.vn)
- ✓ Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2009): **230.000.0000.000** đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng)

**II. Lịch sử hoạt động của Công ty**

**1. Những sự kiện quan trọng:**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (PCT) được thành lập vào ngày 04/06/2007, với các cổ đông sáng lập là Tổng Công ty khí (PV Gas), Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) và Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South).

PCT thành lập với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, đến thời điểm tháng 10/2009 các cổ đông đã góp vốn với số tiền là 230 tỷ đồng, là thành viên của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí, đã và đang phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực vận tải hành khách với việc sử dụng nhiên liệu sạch thay thế cho nhiên liệu truyền thống.

**2. Quá trình phát triển**

✓ **Ngành nghề kinh doanh:**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 16/03/2011 với các chức năng:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa.
- Mua bán: phương tiện, máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas: LPG, CNG, LNG (không mua bán gas tại trụ sở)
- Đại lý kinh doanh xăng dầu

- Dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (không gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở - không thiết kế phương tiện vận tải)
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở)
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế
- Kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng
- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện
- Kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt. Kinh doanh vận tải biển
- Mua bán phân bón
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); thủy sản
- Sản xuất xe có động cơ (trừ sản xuất xe máy và hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Cho thuê máy móc – thiết bị - phụ tùng ngành giao thông vận tải
- Bán buôn máy móc – thiết bị - phụ tùng giao thông vận tải
- Bán buôn vật liệu xây dựng
- Chiết nạp sản phẩm gas (không hoạt động tại TP.HCM)

#### ✓ **Tình hình hoạt động**

Đầu năm 2008, PCT đã đưa hơn 20 xe taxi sử dụng nhiên liệu LPG mang thương hiệu TAXI DẦU KHÍ hoạt động tại Tp.Hồ Chí Minh. Đến nay, sau hơn 03 năm hoạt động, với hơn 300 xe Taxi sử dụng nhiên liệu sạch đã được đưa vào khai thác tại Tp.Hồ Chí Minh và Vũng Tàu đã khẳng định TAXI DẦU KHÍ – taxi sử dụng nhiên liệu sạch không chỉ đem lại thêm một sự lựa chọn về dịch vụ taxi an toàn, chất lượng cho khách hàng mà còn chứng minh cho tính hiệu quả về môi trường và kinh tế của nhiên liệu mới này.

Trong 03 năm hình thành và phát triển Công ty PCT cùng với việc nghiên cứu, hoàn thiện việc đưa vào ứng dụng các dự án LPG, CNG vào thực tế sẽ là những tiền đề quan trọng để cho ra đời và đưa vào hoạt động hệ thống vận chuyển hành khách bằng Taxi sử dụng công nghệ mới thay thế nhiên liệu truyền thống (xăng, dầu, diesel) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thân thiện hơn với môi trường.

### **3. Định hướng phát triển**

#### ✓ Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chiến lược của PCT là phát triển phương tiện giao thông vận tải sử dụng nhiên liệu sạch, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm chi phí sử dụng nhiên liệu, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống cho cộng đồng, đảm bảo vấn đề an ninh năng lượng quốc gia.

Trong kế hoạch phát triển, ngoài việc củng cố chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm các dòng xe mới nhằm đẩy mạnh phát triển thương hiệu TAXI DẦU KHÍ, PCT còn nghiên cứu ứng dụng trong việc sử dụng nhiên liệu CNG với nhiều tính năng ưu việt hơn. Đồng thời đầu tư xây dựng các phòng ban

thực hiện việc lắp đặt bộ chuyển đổi nhiên liệu theo chuẩn quốc tế để đáp ứng cho nhu cầu chuyển đổi nhiên liệu của các chủ phương tiện trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

✓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng công ty thành đơn vị hàng đầu trong nước về lĩnh vực đưa nhiên liệu sạch LPG, CNG và LNG vào sử dụng cho hoạt động vận tải: đường bộ, đường thủy và đường sắt an toàn, chất lượng, hiệu quả, nâng cao cuộc sống vật chất, tinh thần cho người lao động, có thương hiệu mạnh.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

- Doanh thu bán hàng	:	498.858.158.088 VNĐ
- Doanh thu thuần	:	498.856.725.925 VNĐ
- Lợi nhuận gộp	:	20.282.690.687 VNĐ
- Lợi nhuận thuần	:	7.161.449.220 VNĐ
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	5.806.151.969 VNĐ

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	
			Giá trị	%TH/KH
1.	Tổng doanh thu	300.008.000.000	509.870.414.115	169.95%
2.	Lợi nhuận trước thuế TNDN	8.000.000.000	5.806.151.969	72.58%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...):

- ✓ Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 15 xe cao cấp cho thuê nhằm đáp ứng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Hoàn thành công tác chi trả tiền đền bù đất cho người dân và nộp tiền sử dụng đất tại Ninh Thuận – đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- ✓ Tăng cường quảng bá, tiếp thị để thương hiệu Taxi Dầu Khí nhanh chóng trở thành thương hiệu quen thuộc với giá cả và dịch vụ tốt nhất.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...):

- ✓ Công ty sẽ nghiên cứu thị trường để mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh taxi sang những thành phố khác.
- ✓ Nghiên cứu mảng kinh doanh xe tuyến cố định TP. HCM – Vũng tàu và ngược lại.

## III. Báo cáo của Ban Giám đốc

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

✓ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010 của PCT phản ánh một số chỉ tiêu về khả năng sinh lời và khả năng thanh toán như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010
1. Cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	50.54
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	46.25
2. Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	28.73
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	71.27
3. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.27
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2.15
4. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất LNTT / Tổng tài sản	%	1.80
- Tỷ suất LNST / Doanh thu thuần	%	0.96
- Tỷ suất LNST / Vốn chủ sở hữu	%	2.08

- ✓ Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh
- ✓ Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động): không có
- ✓ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: (chi tiết file đính kèm)
- ✓ Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: có
- ✓ Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 23.000.000 cổ phiếu thường
- ✓ Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có
- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 23.000.000 cổ phần phổ thông
- ✓ Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): không có
- ✓ Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không chia do năm 2010 Công ty đã hoạt động có lãi, tuy nhiên do bù đắp lỗ từ năm 2007, 2008 chuyển qua nên lợi nhuận lũy kế năm 2010 chưa cao.

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

### **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- ✓ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:  
Kiện toàn tổ chức hoạt động của công ty.  
Cập nhật, hoàn thiện các quy trình quy chế theo quy định.
- ✓ Các biện pháp kiểm soát  
Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt mức tối ưu.  
Lãnh đạo và CBCNV đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo đội xe luôn trong tình trạng kỹ thuật tốt.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu : 510.000.000.000 VNĐ
- Lợi nhuận trước thuế : 15.000.000.000 VNĐ

### **IV. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán (file đính kèm)

### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

#### **1. Kiểm toán độc lập**

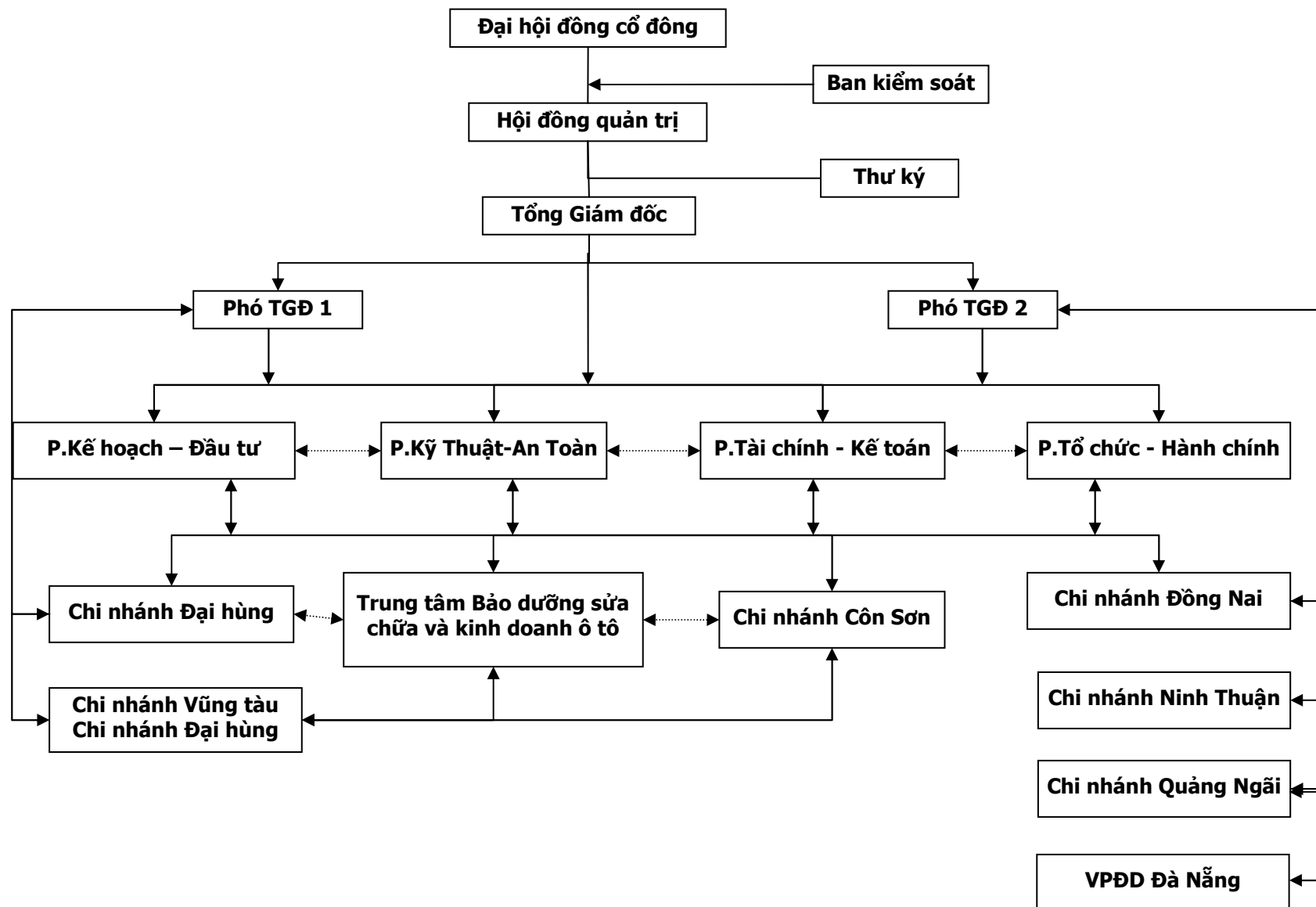
- Đơn vị kiểm toán độc lập: Deloitte Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập (đính kèm)
- Các nhận xét đặc biệt: không

#### **2. Kiểm toán nội bộ: không có**

### **VI. Các công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không có.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có.

**VII. Tổ chức và nhân sự**  
**1. Cơ cấu tổ chức của Công ty**



## **2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

### **✓ Ông Nguyễn Tài Cương – Chủ tịch HĐQT**

- Năm sinh: 10/10/1959
- Trình độ chuyên môn: Đại học TC – KT
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ 10/1980 – 08/1990: công tác tại Ban quản lý công trình dầu khí Vũng Tàu – chức vụ nhân viên
  - + Từ 09/1990 – 02/1993: công tác tại Công ty Khí đốt Việt Nam – chức vụ nhân viên
  - + Từ 03/1993 – 07/1993: công tác tại Công ty Khí đốt Việt Nam – chức vụ phó phòng TC – KT
  - + Từ 08/1993 – 05/2001: công tác tại Công ty chế biến & kinh doanh các sản phẩm khí – chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng TC – KT
  - + Từ 06/2001 – 03/2007: công tác tại Trường đào tạo nhân lực Dầu khí – chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng TC – KT
  - + Từ 04/2007 – 03/2008: công tác tại Tổng công ty CP vận tải dầu khí – chức vụ Trưởng Ban kiểm soát
  - + Từ 04/2008 – nay: công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long– chức vụ Chủ tịch HĐQT

### **✓ Ông Nguyễn Duyên Hiếu – Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 10/11/1975
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Tóm tắt quá trình công tác:
  - + Từ 09/1997 đến 08/1998: công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (PTSC) - chức vụ Chuyên viên kinh tế kế hoạch.
  - + Từ 09/1998 đến 07/2001: công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (PTSC) - chức vụ Chuyên viên văn phòng Đảng ủy.
  - + Từ 08/2001 đến 01/2003: công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (PTSC) - chức vụ Tổ trưởng Tổ đầu tư phương tiện, thiết bị thuộc phòng Đầu tư.
  - + Từ 02/2003 đến 07/2003 : công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (PTSC) - chức vụ Phó phòng Hành chính tổng hợp.
  - + Từ 08/2003 đến 06/2004: công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (PTSC) - chức vụ Phụ trách phòng Hành chính tổng hợp.
  - + Từ 07/2004 đến 10/2004: công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (PTSC) - chức vụ Phó phòng Tổ chức Hành chính.
  - + Từ 11/2004 đến 03/2007: công tác tại Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Thái Bình trực thuộc Công ty PTSC – chức vụ Giám đốc.
  - + Từ 04/2007 đến 10/2007: công tác tại Công ty Dịch vụ Dầu khí Thái Bình trực thuộc Cty PTSC – chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.
  - + Từ 11/2007 đến 09/2009: công tác tại Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) – chức vụ Giám đốc. Trong khoảng thời gian

từ 12/2007 đến 07/2009 kiêm nhiệm thêm chức vụ Chủ tịch Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (Petrotrans) – PVTrans.

+ Từ 10/2009 đến 10/2010: công tác tại Công ty kinh doanh sản phẩm khí (PVGas Trading) trực thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) – chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

+ Từ 11/2010 đến 01/2011: công tác tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas South) trực thuộc Tổng Công ty khí Việt Nam (PVGas) – chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

+ Từ 02/2011 đến nay: công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Tổng Giám đốc.

✓ **Ông Lê Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 12/05/1971

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư viễn thông, Cử nhân Kinh tế

- Tóm tắt quá trình công tác:

+ Tháng 06/1999: công tác tại Công ty Phát triển khoáng sản 6 – XN Sa khoáng Hàm Tân - Xưởng tuyển tinh số I – chức vụ Trưởng ca.

+ Tháng 07/1999: công tác tại Công ty Phát triển khoáng sản 6 – XN Sa khoáng Hàm Tân - Xưởng tuyển tinh số I – chức vụ Xưởng phó.

+ Tháng 08/2001: công tác tại Công ty Phát triển khoáng sản 6 – XN Sa khoáng Hàm Tân - Xưởng tuyển tinh số I – chức vụ Xưởng trưởng.

+ Tháng 09/2001: công tác tại Công ty Liên doanh khoáng sản quốc tế Hải Tinh - chức vụ Phó Tổng giám đốc thứ 1.

+ Tháng 11/2003: công tác tại Công ty Liên doanh khoáng sản quốc tế Hải Tinh - chức vụ Phó Tổng giám đốc thứ 1 kiêm Trưởng ban xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật.

+ Tháng 01/2004: công tác tại Công ty Liên doanh khoáng sản quốc tế Hải Tinh - chức vụ Phó Tổng giám đốc thứ 1 kiêm Trưởng ban xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật kiêm Chủ tịch Hội đồng lương, Chủ tịch Hội đồng bảo hộ lao động, Trưởng ban phòng chống cháy nổ.

+ Tháng 05/2006: công tác tại Công ty Cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Long Sơn – chức vụ Tổng Giám đốc.

+ Tháng 06/2007 – 08/2010: công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (PCT) – chức vụ Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí, Chủ tịch Công đoàn PCT kiêm Giám đốc Chi nhánh Côn Sơn thuộc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long.

+ Tháng 08/2010: công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long – chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

✓ Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:

- Thay đổi Tổng Giám đốc vào ngày 24/02/2011.

- Thay đổi Phó Tổng Giám đốc vào ngày 19/08/2010.

✓ Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

- Lương, thưởng Chủ tịch Hội đồng quản trị : 306.392.628 VND

- Lương, thưởng Trưởng Ban kiểm soát : 208.545.666 VND

- Lương thưởng Tổng giám đốc : 303.324.531 VND



- Lương thưởng Phó Tổng giám đốc : 228.072.588 VND
- Thưởng theo quy chế trả lương, thưởng của Tổng công ty trích từ quỹ khen thưởng: Không
- ✓ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
  - Tổng số CBCNV toàn công ty năm 2010: 191 người
  - Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, lương bình quân của CBCNV công ty năm 2010 là: 4.887.942 VND
- ✓ Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:
  - Ông Phùng Thanh Hải: miễn nhiệm thành viên BKS tháng 04.2010
  - Ông Phạm Hùng Cường: bổ nhiệm thành viên BKS tháng 05.2010 và miễn nhiệm tháng 10.2010
  - Ông Phạm Thái Vũ: bổ nhiệm thành viên BKS tháng 10.2010

### **VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty:**

#### **1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát**

Hội đồng quản trị công ty năm 2010 gồm 05 người trong đó thành viên điều hành và thành viên độc lập không điều hành, cụ thể:

- Thành viên HĐQT không tham gia điều hành: Bà Nguyễn Thị Kim Anh, Ông Hoàng Văn Toàn, Ông Bùi Ngọc Hưng, Bà Phạm Thị Đào
- Thành viên HĐQT tham gia điều hành: Nguyễn Tài Cương
- Ban Kiểm soát của công ty năm 2010 gồm 3 người là bà Phạm Thị Diệu Thu, Ông Hà Thúc Hiếu, Ông Phạm Thái Vũ.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo Quy chế làm việc của HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ - HĐQT ngày 10/7/2008. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

Các thành viên HĐQT đã triển khai Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010 chỉ đạo, giám sát hoạt động của TGD thông qua các nghị quyết của HĐQT, thông qua việc tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Công ty; trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao kế hoạch kinh doanh và các cuộc họp liên quan khác.

HĐQT đã: Ban hành nhiều NQ, QĐ phê duyệt chỉ đạo:

- Lập, phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 cho Tổng giám đốc.
- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2010 và chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội.
- Phê duyệt các DA đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Xây dựng, sửa đổi, thông qua, ban hành thêm một số quy chế quản lý,
- Thành lập 1 Chi nhánh (tại Quảng Ngãi), chỉ đạo tổ chức kinh doanh tại các đơn vị.
- Bổ nhiệm/miễn nhiệm một số nhân sự vào các chức danh quản lý,
- Tổ chức xin ý kiến cổ đông, đề ra Nghị quyết ĐHCĐ:

- + Bổ sung, sửa đổi CNNĐKKD,
- + Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom.
- Định biên nhân sự và quỹ lương năm 2010,
- Các vấn đề khác.

HĐQT đã nỗ lực trong việc chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc bám sát nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật pháp Nhà nước.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) hoạt động theo quy chế làm việc của Ban Kiểm soát ban hành theo quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 29/05/2008 của Hội đồng quản trị Công ty.

BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty.

BKS thu thập thông tin qua các cuộc họp của HĐQT, các nghị quyết, công văn, chỉ thị của Tổng Công ty; Nghị quyết, quyết định của Công ty mà Ban Kiểm soát được cung cấp và các đợt kiểm tra định kỳ hàng tháng, quý hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2010 BKS đã kiểm soát các nội dung:

- Tình hình mua tài sản, đầu tư xe chất lượng cao cho thuê.
- Các hợp đồng tín dụng vay vốn để mua xe, đầu tư mới hoặc sửa chữa các trạm nạp
- Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý chi phí, hiệu quả của từng ngành nghề kinh doanh trong Công ty.
- Theo dõi việc thực hiện các quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tình hình sử dụng nguồn vốn góp của Cổ đông.
- Tình hình thực hiện kế hoạch.
- Tình hình thu hồi công nợ.
- Xem xét báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- Thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý, năm cho HĐQT

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Tài Cương đại diện cho Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí nắm giữ 3.703.772 cổ phần chiếm 16.10%

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn :**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>					
1	Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	Tòa nhà SCEPTA, số 19A Cộng Hòa, Q.Tân Bình, HCM		4.500.000	19.6	
3	Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí	Số 22 Ngõ Quyền, P.Tràng Tiền, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tài chính	3.000.000	13	
5	Công ty Cổ phần kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí	Số 20 ngõ 4 phố Hải Thượng, Đường Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh		1.500.000	7	
6	Tổng Công ty cổ phần vận tải Dầu khí	Tầng 4 tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, HCM	Dịch vụ vận tải	5.203.772	23	
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	QL6A km số 10, P. Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, Hà Tây		103.220	0.4	
<b>II.</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>			<b>8.693.008</b>	<b>37</b>	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>23.000.000</b>	<b>100</b>	

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN TÀI CƯƠNG**

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>149.301.965.968</b>	<b>125.275.004.209</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>83.502.080.220</b>	<b>76.565.955.802</b>
1. Tiền	111		6.370.161.620	7.565.955.802
2. Các khoản tương đương tiền	112		77.131.918.600	69.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.541.197.000</b>	<b>8.687.705.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.343.170.080	11.853.396.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.801.973.080)	(3.165.691.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.098.801.770</b>	<b>31.598.531.045</b>
1. Phải thu khách hàng	131		44.224.819.237	15.237.956.572
2. Trả trước cho người bán	132		13.829.556.307	18.725.708.436
3. Các khoản phải thu khác	135		2.325.713.678	1.649.174.037
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.281.287.452)	(4.014.308.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>8.381.858.765</b>	<b>1.888.039.977</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.381.858.765	1.888.039.977
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.778.028.213</b>	<b>6.534.772.385</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.416.694.516	2.519.371.908
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		227.218.885	3.071.848.369
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		282.679.762	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		851.435.050	943.552.108
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173.481.658.259</b>	<b>184.415.642.594</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.140.058.738</b>	<b>173.369.558.437</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	160.790.279.264	165.918.281.450
- Nguyên giá	222		209.833.154.620	190.290.527.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.042.875.356)	(24.372.246.527)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	338.578.122	413.672.626
- Nguyên giá	228		443.967.020	443.967.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.388.898)	(30.294.394)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	2.011.201.352	7.037.604.361
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>8.511.460.000</b>	<b>8.511.460.000</b>
- Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.830.139.521</b>	<b>2.534.624.157</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	1.509.467.521	2.042.130.393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>13</b>	-	228.421.764
3. Tài sản dài hạn khác	268		320.672.000	264.072.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>322.783.624.227</b>	<b>309.690.646.803</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Thuyết		31/12/2010	31/12/2009
	Mã số	t minh		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>92.737.727.076</b>	<b>84.428.687.848</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.634.522.922</b>	<b>49.099.433.033</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	8.539.632.969	8.352.134.969
2. Phải trả người bán	312		52.621.210.039	36.165.494.642
3. Người mua trả tiền trước	313		37.326.861	34.247.972
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	122.557.285	137.790.121
5. Phải trả người lao động	315		2.209.123.903	2.653.456.821
6. Chi phí phải trả	316		761.855.781	329.280.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319		1.342.816.084	1.427.028.508
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.103.204.154</b>	<b>35.329.254.815</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	2.939.012.414	2.841.154.839
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	24.163.737.907	32.487.339.476
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		453.833	760.500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>230.045.897.151</b>	<b>225.261.958.955</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	17	<b>230.045.897.151</b>	<b>225.261.958.955</b>
1. Vốn điều lệ	411		230.000.000.000	230.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	420		45.897.151	(4.738.041.045)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>322.783.624.227</b>	<b>309.690.646.803</b>

---

**Nguyễn Duyên Hiếu****Tổng Giám đốc**

Ngày 18 tháng 3 năm 2011

---

**Phạm Thị Ánh Tuyết****Kế toán trưởng**

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		498.858.158.088	285.470.709.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.432.163)	(6.711.948)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	498.856.725.925	285.463.997.784
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	19	(478.574.035.238 )	(274.286.849.624 )
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.282.690.687	11.177.148.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	9.345.316.047	14.501.672.897
7. Chi phí tài chính	22	21	(4.653.582.882)	(1.682.846.793)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.735.413.382	(1.682.846.793)
8. Chi phí bán hàng	24		(794.173.636)	(1.034.525.197)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(17.018.800.996)	(19.093.961.994)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.161.449.220	3.867.487.073
11. Thu nhập khác	31		1.666.939.980	515.275.264
12. Chi phí khác	32		(3.022.237.231)	(489.258.626)
13. Lợi nhuận khác	40	22	(1.355.297.251)	26.016.638
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.806.151.969	3.893.503.711
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(793.792.009)	-
16. (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(228.421.764)	228.421.764
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.783.938,196	4.121.925.475
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>208</b>	<b>179</b>

Nguyễn Duyên Hiếu

Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2011

Phạm Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.806.151.969</b>	<b>3.893.503.711</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.893.109.825	16.818.779.187
Các khoản dự phòng	03	5.903.261.532	2.231.113.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.933.519.619)	(8.063.249.066)
Chi phí lãi vay	06	3.735.413.382	1.682.846.793
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>31.404.417.089</b>	<b>16.562.993.625</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(21.413.121.450)	20.743.547.332
Tăng hàng tồn kho	10	(6.493.818.788)	(1.157.626.249)
Tăng các khoản phải trả	11	14.999.707.522	27.570.563.043
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	831.591.017	(1.614.131.111)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.437.512.110)	(1.758.902.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.076.471.771)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	97.857.575	1.715.430.226
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.153.240)	(203.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.899.495.844</b>	<b>61.858.324.765</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.904.159.052)	(76.226.274.907)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	359.090.909	409.523.810
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của công ty khác	24	-	16.900.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(71.760.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	26	581.985.920	262.290.000
6. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	7.849.540.424	7.537.716.498
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.185.301.799)</b>	<b>(51.116.744.599)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	40.839.474.445
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.778.069.627)	(50.703.538.910)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.778.069.627)</b>	<b>(9.864.064.465)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>6.936.124.418</b>	<b>877.515.701</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>76.565.955.802</b>	<b>75.688.440.101</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>83.502.080.220</b>	<b>76.565.955.802</b>

## Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.332.356.190 đồng (năm 2009 là 39.235.500 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả nợ gốc vay không bao gồm 5.000.000.000 đồng và 358.033.942 đồng (năm 2009 là 0 đồng), là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam và lãi suất tương ứng đã thu hồi trong

năm. Công ty đã dùng khoản tiền này để cân trừ nợ gốc tiền vay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác và phần lãi từ hoạt động đầu tư.

---

**Nguyễn Duyên Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 18 tháng 3 năm 2011

---

**Phạm Thị Ánh Tuyết**  
**Kế toán trưởng**

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (“gọi tắt là Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 176 người (năm 2009: 196 người).

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán hàng hóa, kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định và cung cấp các dịch vụ khác.

Các chi nhánh của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Đại Hùng: 18A Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Côn Sơn: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Bảo dưỡng và Kinh doanh Ô tô: 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Ninh Thuận: Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Chi nhánh Đồng Nai: A14, Khu phố 2, Xa lộ Hà Nội, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Quảng Ngãi: Xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chi nhánh Vũng Tàu: 101 Lê Lợi, Phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài



chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

## **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng của phần mềm máy tính.

## **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Máy bộ đàm và đồng hồ tính cước gắn trên xe taxi được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến bốn năm.

## **Ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

## **Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	2.955.616	32.353.791
Tiền gửi ngân hàng	6.367.206.004	7.533.602.011
Các khoản tương đương tiền	77.131.918.600	69.000.000.000
	<b><u>83.502.080.220</u></b>	<b><u>76.565.955.802</u></b>

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.343.170.080	6.853.396.000
	<b><u>6.343.170.080</u></b>	<b><u>11.853.396.000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(3.801.973.080)	(3.165.691.000)
	<b><u>2.541.197.000</u></b>	<b><u>8.687.705.000</u></b>

## 7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên vật liệu	398.906.430	239.500.269
Công cụ, dụng cụ	1.521.388.423	1.090.671.030
Hàng hóa	6.461.563.912	557.868.678
	<b><u>8.381.858.765</u></b>	<b><u>1.888.039.977</u></b>

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2010	808.674.836	1.268.501.794	187.182.130.691	1.031.220.656	190.290.527.977
Tặng trong năm	-	-	-	50.693.264	50.693.264
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	245.341.846	436.363.636	19.208.604.992	125.663.760	20.015.974.234
Thanh lý	-	-	(524.040.855)	-	(524.040.855)
	<b><u>1.054.016.68</u></b>				
Tại ngày 31/12/2010	<b><u>2</u></b>	<b><u>1.704.865.430</u></b>	<b><u>205.866.694.828</u></b>	<b><u>1.207.577.680</u></b>	<b><u>209.833.154.620</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2010	111.374.150	157.094.116	23.839.332.314	264.445.947	24.372.246.527
Khấu hao trong năm	186.450.174	192.053.400	24.185.518.376	253.993.371	24.818.015.321
Giảm do thanh lý	-	-	(147.386.492)	-	(147.386.492)
Tại ngày 31/12/2010	<b><u>297.824.324</u></b>	<b><u>349.147.516</u></b>	<b><u>47.877.464.198</u></b>	<b><u>518.439.318</u></b>	<b><u>49.042.875.356</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2010	<b><u>756.192.358</u></b>	<b><u>1.355.717.914</u></b>	<b><u>157.989.230.630</u></b>	<b><u>689.138.362</u></b>	<b><u>160.790.279.264</u></b>
Tại ngày 31/12/2009	<b><u>697.300.686</u></b>	<b><u>1.111.407.678</u></b>	<b><u>163.342.798.377</u></b>	<b><u>766.774.709</u></b>	<b><u>165.918.281.450</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 58.277.379.990 đồng (31 tháng 12 năm 2009 58.661.492.666 đồng) để đảm bảo cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (xem Thuyết minh số 16).

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính <u>VNĐ</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2010	443.967.020
Tại ngày 31/12/2010	<u>443.967.020</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2010	
Khấu hao trong năm	75.094.504
Tại ngày 31/12/2010	<u>105.388.898</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	
Tại ngày 31/12/2009	<u>413.672.626</u>

## 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010 <u>VNĐ</u>	2009 <u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	7.037.604.361	2.132.728.553
Tăng	17.298.103.299 (20.015.974.234	76.179.904.800 (71.275.028.992
Kết chuyển sang tài sản cố định	)	)
Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	(196.250.753)	
Kết chuyển vào chi phí	(2.112.281.321)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>2.011.201.352</u>	<u>7.037.604.361</u>

## 11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (năm 2009: 8.511.460.000 đồng). Ban Giám đốc Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tương đương với giá trị ghi sổ, do đó, không cần thiết phải trích lập dự phòng.

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 <u>VNĐ</u>	2009 <u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	2.042.130.393	2.065.419.940
Tăng	743.993.278	964.224.252
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.276.656.150)	(987.513.799)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>1.509.467.521</u>	<u>2.042.130.393</u>

### 13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Lỗ được chuyển VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	228.421.764
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	228.421.764
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(228.421.764)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>-</b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	71.639.620	72.495.368
Thuế thu nhập cá nhân	50.917.665	65.294.753
	<b><u>122.557.285</u></b>	<b><u>137.790.121</u></b>

### 15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn từ tài xế xe taxi. Khoản ký quỹ này được hoàn trả khi Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với tài xế xe taxi.

### 16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương	428.001.000	542.134.600
Công ty Cổ phần Tài chính dầu khí Việt Nam	29.837.869.876	37.297.339.845
Công ty Cổ phần Tài chính dầu khí Việt Nam- chi nhánh Sài Gòn	2.437.500.000	3.000.000.000
	<b><u>32.703.370.876</u></b>	<b><u>40.839.474.445</u></b>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay như sau:

- Tại ngày 1 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí, Chi nhánh Hà Nội với số tiền 40.638.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010 đến ngày 1 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi với lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng đồng Việt Nam loại trả cuối kỳ cộng 2,52% một năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được hỗ trợ lãi suất đến hết 31 tháng 12 năm 2011 với mức lãi suất hỗ trợ 4%/năm. Lãi suất chưa được hỗ trợ áp dụng cho năm 2010 là 10,5% - 15,4%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng và nợ gốc được trả hàng năm.
- Tại ngày 7 tháng 7 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 570.066.800 đồng để mua một xe ô tô. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ quý 3 năm 2009 đến quý 2 năm 2014. Khoản vay chịu lãi với lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương cộng 4% và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho năm 2010 là 12% - 14,5%. Tiền lãi được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán hàng quý.

- Tại ngày 16 tháng 11 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 3 tỷ đồng để thực hiện dự án mua 2 xe bồn vận chuyển LPG. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 đến tháng 12 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 1%/tháng từ 30 tháng 12 năm 2009 đến 30 tháng 3 năm 2010 và được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong vòng 24 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2009. Từ 1 tháng 4 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010 lãi suất chưa được hỗ trợ áp dụng là 14,5% - 15,5%. Tiền lãi được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán hàng quý.

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hình thành từ các hợp đồng vay là phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay nêu trên (xem Thuyết minh số 8).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 <u>VNĐ</u>	31/12/2009 <u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	8.539.632.969	8.352.134.969
Trong năm thứ hai	24.163.737.907	8.323.601.569
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	24.163.737.907
	<b>32.703.370.876</b>	<b>40.839.474.445</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(8.539.632.969)</u>	<u>(8.352.134.969)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>24.163.737.907</u></b>	<b><u>32.487.339.476</u></b>

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ đông <u>VNĐ</u>	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Số dư tại 1/1/2009	230.000.000.000	(8.859.966.520)	221.140.033.480
Lợi nhuận trong năm	-	4.121.925.475	4.121.925.475
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>(4.738.041.045)</b>	<b>225.261.958.955</b>
Lợi nhuận trong năm	-	4.783.938.196	4.783.938.196
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b><u>230.000.000.000</u></b>	<b><u>45.897.151</u></b>	<b><u>230.045.897.151</u></b>

### Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông đóng góp là 230.000.000.000 đồng. Cổ đông chủ yếu của Công ty là các Công ty thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, một cổ đông của Công ty với tỷ lệ vốn góp cam kết và quyền biểu quyết lần lượt là 23% và 60%.

Giá trị cổ phần và số cổ phiếu của Công ty như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	30.000.00

Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	23.000.000	23.000.00
Số lượng cổ phiếu chưa phát hành và chưa được góp vốn	7.000.000	7.000.00
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.00</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Trong trường hợp các cổ đông sáng lập không mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày 4 tháng 6 năm 2007 (ngày thành lập).

Dưới đây là thông tin về lượng cổ phần nắm giữ và số vốn thực tế góp của các cổ đông sáng lập và các cổ đông lớn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	31/12/2010		31/12/2009	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm khí	45.000.000.000	19.6%	49.435.000.000	21%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	-	0%	11.009.280.000	5%
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	30.000.000.000	13%	30.000.000.000	13%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	-	0%	15.000.000.000	7%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí	15.000.000.000	7%	21.540.000.000	9%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	52.037.720.000	23%	52.037.720.000	23%
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Sông Đà	1.032.200.000	0,4%	30.000.000.000	13%
Các cổ đông khác	86.930.080.000	37%	20.978.000.000	9%
	<u>230.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>230.000.000.000</u>	<u>100%</u>

#### 18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	389.682.835.227	233.234.571.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ	109.173.890.698	52.229.426.774
	<u>498.856.725.925</u>	<u>285.463.997.784</u>

#### 19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	379.476.604.857	226.067.762.464
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	99.097.430.381	48.219.087.160
	<u>478.574.035.238</u>	<u>274.286.849.624</u>

#### 20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

2010	2009
VNĐ	VNĐ



Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.226.017.015	8.112.292.608
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.100.000	155.310.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.632	200.204
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.435.770.085
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	1.798.100.000
Doanh thu tài chính khác	36.178.400	-
	<b><u>9.345.316.047</u></b>	<b><u>14.501.672.897</u></b>

## 21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	636.282.080	-
Chi phí lãi vay	3.735.413.382	1.682.846.793
Lỗ từ hoạt động đầu tư	280.985.920	-
Chi phí tài chính khác	901.500	-
	<b><u>4.653.582.882</u></b>	<b><u>1.682.846.793</u></b>

## 22. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	359.090.909	409.523.810
Thu phạt do vi phạm hợp đồng	314.956.635	12.238.903
Thu hỗ trợ từ chính phủ	969.303.260	-
Thu nhập khác	23.589.176	93.512.551
	<b><u>1.666.939.980</u></b>	<b><u>515.275.264</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	376.654.363	458.567.352
Chi dịch vụ tư vấn	498.651.630	-
Chuyển vào chi phí các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	2,098,281,321	-
Chi phí khác	48.649.917	30.691.274
	<b><u>3.022.237.231</u></b>	<b><u>489.258.626</u></b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác</b>	<b><u>(1.355.297.251)</u></b>	<b><u>26.016.638</u></b>

## 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	5.806.151.969	3.893.503.711
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.765.946.793)	(94.650.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	48.649.917	1.682.846.793
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>4.088.855.093</b>	<b>5.481.700.504</b>
Chuyển lỗ tính thuế của các năm trước	(913.687.057)	(5.481.700.504)
<b>Thu nhập tính thuế cho năm nay</b>	<b>3.175.168.036</b>	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	793.792.009	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại (xem Thuyết minh số 13)</b>	-	228.421.764
	<b>793.792.009</b>	<b>228.421.764</b>

## 24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.783.938.196	4.121.925.475
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.783.938.196	4.121.925.475
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>208</b>	<b>179</b>

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng giảm lãi trên cổ phiếu của Công ty.

## 25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.243.190.000</u>	<u>992.631.089</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.293.557.333	1.225.248.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.689.227.200	2.836.767.200
	<b>2.982.784.533</b>	<b>4.062.015.200</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại số 18 Nguyễn Cửu Vân, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và các hợp đồng thuê đất khác. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm kể từ năm 2007.

## 26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Mua hàng và dịch vụ</b>		
Mua xe từ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà	-	45.482.503
Mua LPG từ Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	273.889.288.771	154.963.673.517
Mua bảo hiểm xe của Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành	-	138.326.791
Mua LPG từ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	-	360.111.000
Chi nhánh Tổng Cty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	1.649.727.272
Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Gas đô thị PVI Sài Gòn	4.076.683.700	1.221.923.182
	<u>4.076.683.700</u>	<u>1.501.403.546</u>
<b>Đầu tư</b>		
Gửi tiết kiệm có kỳ hạn - Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	5.000.000.000
<b>Vay vốn</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	40.297.339.845
<b>Cung cấp hàng và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu	-	7.080.271.561
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí	3.042.334.679	2.425.420.129
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.214.611.586	901.916.968
Công ty Liên doanh Khí Hóa Lỏng Việt Nam	-	-
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí	-	472.325.434
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	612.083.429	316.457.476
Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất PETRO Miền Trung	-	3.394.976.647
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	472.325.434
Chi nhánh – Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	783.820.965
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đồng Tiến - Chi nhánh Vũng Tàu	-	224.729.966
Chi nhánh Phía Nam – Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác Tài sản Dầu khí	1.401.619.271	226.258.582
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	-	8.277.019.635
Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí	1.259.154.174	331.668.889
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.558.587.124	228.515.261
Công ty Bảo Hiểm Dầu Khí Sài Gòn (PVI Sài Gòn)	762.086.779	113.211.047
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí	6.752.228.600	84.000.000
CN Tổng công ty Khí Việt Nam- Cty TNHH MTV- Công ty kinh doanh sản phẩm khí	120.199.182	-
Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp	814.301.975	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương và các khoản khác	<u>957.607.027</u>	<u>800.969.034</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ Phần	280.435.000	831.712.610
Công ty TNHH Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	92.401.676	263.495.130
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	589.937.199	231.940.804
Tổng Công ty CP Vận Tải Dầu Khí	6.378.823.000	92,400,000
Công ty bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn (PVI Sài Gòn)	68.084.710	17,465,000
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam- Công ty điều hành Dầu khí Biển Đông	589.937.199	231,940,804
CN Tổng Công ty khí Việt Nam- Cty TNHH MTV- Cty Kinh doanh sản phẩm khí	142.663.906	-
CN Phía Nam- Cty TNHH MTV Quản lý và khai thác tài sản Dầu khí	125.487.975	-
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam- PV Gas South	<u>58.581.030</u>	<u>108.097.890</u>
<b>Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp</b>		
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam		
-		
PV Media	<u>34.457.500</u>	<u>34.457.500</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	32.320.583.744	30.156.591.916
Công ty CP Hóa dầu dầu khí Vidamo	<u>138.831.989</u>	<u>-</u>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>5.000.000.000</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>23.878.403.907</u>	<u>40.297.339.845</u>

Nguyễn Duyên Hiếu  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2011

Phạm Thị Ánh Tuyết  
**Kế toán trưởng**